

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**BIỂU DỰ KIẾN KINH PHÍ TĂNG THÊM DO THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH MỚI**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SKHCN ngày tháng năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Quyết định số 20/2015	Thông tư số 03/2023	Chênh lệch giữa TT 03 và QĐ số 20/2015/QĐ-UBND	Số người	Số tiền tăng thêm do thực hiện Chính sách mới	Số hội đồng/ buổi/ nhiệm vụ	Tổng số tiền tăng thêm
	<b>Tổng A+B</b>								<b>6.952.340.920</b>
<b>A</b>	<b>Nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b> (thời gian thực hiện là 1 năm; 01 chủ nhiệm, 01 thư ký, 03 thành viên chính, 03 thành viên, 03 nhân viên kỹ thuật/hỗ trợ; nội dung thực hiện: 03 nội dung)	Nhiệm vụ	<b>372.000.000</b>	<b>570.501.364</b>	<b>198.501.364</b>		<b>198.501.364</b>	<b>30</b>	<b>5.955.040.920</b>
<b>I</b>	<b>Trả công lao động</b>		<b>141.699.000</b>	<b>315.700.364</b>	<b>174.001.364</b>				
1	Chủ nhiệm đề tài		23.467.500	96.000.000	72.532.500				
2	Thư ký		14.527.500	28.800.000	14.272.500				
3	Thành viên chính (03)		58.110.000	109.090.909	50.980.909				
4	Thành viên (03)		22.350.000	54.545.455	32.195.455				
5	Nhân viên hỗ trợ (03)		23.244.000	27.264.000	4.020.000				
<b>II</b>	<b>Nguyên vật liệu, năng lượng</b>		<b>102.000.000</b>	<b>102.000.000</b>	<b>0</b>				
1	Hỗ trợ 50% tiền mua giống ngô đường Thái Ngọt số 2 (20ha x 10kg/ha x900.000đ/kg)		90.000.000	90.000.000	0				
2	Hỗ trợ bằng tiền thuốc BVTV		12.000.000	12.000.000					
<b>III</b>	<b>Chi khác</b>		<b>128.301.000</b>	<b>152.801.000</b>	<b>24.500.000</b>				
1	Quản lý chung		14.000.000	20.000.000	6.000.000				
2	Nghiệm thu cấp cơ sở		9.300.000	14.500.000	5.200.000				
3	Tập huấn		12.000.000	12.000.000	0				
4	Hội thảo đầu bờ		23.800.000	32.000.000	8.200.000				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Quyết định số 20/2015	Thông tư số 03/2023	Chênh lệch giữa TT 03 và QĐ số 20/2015/QĐ-UBND	Số người	Số tiền tăng thêm do thực hiện Chính sách mới	Số hội đồng/ buổi/ nhiệm vụ	Tổng số tiền tăng thêm
5	Hội thảo lựa chọn địa điểm		2.000.000		-2.000.000				
6	Hội thảo tiến độ		12.000.000	16.000.000	4.000.000				
7	Hội thảo khoa học hoàn thiện quy trình		7.000.000	10.100.000	3.100.000				
8	Tuyên truyền		10.000.000	10.000.000	0				
9	Xăng xe, thuê xe		16.000.000	16.000.000	0				
10	Văn phòng phẩm, phô tô, in ấn		8.201.000	8.201.000	0				
11	Thẩm định giá, tư vấn đấu thầu		14.000.000	14.000.000	0				
<b>B</b>	<b>Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>								<b>997.300.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ</b>								<b>586.300.000</b>
	Tiền thù lao								518.000.000
	<b>1. Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học</b>						<b>4.500.000</b>	<b>40</b>	<b>180.000.000</b>
	<i>a. Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</i>	<i>Hội đồng</i>					<i>2.200.000</i>		
	Chủ tịch hội đồng		800.000	1.500.000	700.000	1	700.000		
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		600.000	1.000.000	400.000	1	400.000		
	Thư ký khoa học			300.000	300.000	1	300.000		
	Thư ký hành chính		250.000	300.000	50.000	1	50.000		
	Đại biểu được mời tham dự		150.000	200.000	50.000	15	750.000		
	<i>b. Chi nhận xét đánh giá</i>	<i>01 phiếu nhận xét đánh giá</i>					<i>2.300.000</i>		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200.000	500.000	300.000	5	1.500.000		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Quyết định số 20/2015	Thông tư số 03/2023	Chênh lệch giữa TT 03 và QĐ số 20/2015/QĐ-UBND	Số người	Số tiền tăng thêm do thực hiện Chính sách mới	Số hội đồng/ buổi/ nhiệm vụ	Tổng số tiền tăng thêm
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		300.000	700.000	400.000	2	800.000		
	<b><i>c. Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện</i></b>	<b><i>Nhiệm vụ</i></b>	<b><i>0</i></b>	<b><i>1.200.000</i></b>	<b><i>1.200.000</i></b>	<b><i>0</i></b>	<b><i>0</i></b>		
	Chủ tịch hội đồng			700.000	700.000				
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng			500.000	500.000				
	<b>2. Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>						<b>4.700.000</b>	<b>40</b>	<b>188.000.000</b>
	<b><i>a. Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</i></b>	<b><i>Hội đồng</i></b>					<b>2.400.000</b>		
	Chủ tịch Hội đồng		1.200.000	1.800.000	600.000	1	600.000		
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		800.000	1.500.000	700.000	1	700.000		
	Thư ký khoa học			300.000	300.000	1	300.000		
	Thư ký hành chính		250.000	300.000	50.000	1	50.000		
	Đại biểu được mời tham dự		150.000	200.000	50.000	15	750.000		
	<b><i>b. Chi nhận xét đánh giá</i></b>	<b><i>01 phiếu nhận xét đánh giá</i></b>					<b>2.300.000</b>		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400.000	700.000	300.000	5	1.500.000		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Quyết định số 20/2015	Thông tư số 03/2023	Chênh lệch giữa TT 03 và QĐ số 20/2015/QĐ-UBND	Số người	Số tiền tăng thêm do thực hiện Chính sách mới	Số hội đồng/ buổi/ nhiệm vụ	Tổng số tiền tăng thêm
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		600.000	1.000.000	400.000	2	800.000		
	<b>3. Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>						<b>4.950.000</b>	<b>30</b>	<b>148.500.000</b>
	<i>a. Chi họp Hội đồng nghiệm thu</i>	<i>Nhiệm vụ</i>					<i>2.650.000</i>		
	Chủ tịch hội đồng		1.200.000	1.800.000	600.000	1	600.000		
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800.000	1.500.000	700.000	1	700.000		
	Thư ký khoa học			300.000	300.000	1	300.000		
	Thư ký hành chính		250.000	300.000	50.000	1	50.000		
	Đại biểu được mời tham dự		150.000	200.000	50.000	20	1.000.000		
	<i>b. Chi nhận xét đánh giá</i>	<i>01 phiếu nhận xét đánh giá</i>					<i>2.300.000</i>		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400.000	700.000	300.000	5	1.500.000		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		600.000	1.000.000	400.000	2	800.000		
	<b>4. Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng.</b>	<b>Chuyên gia</b>		<b>1.500.000</b>	<b>1.500.000</b>				
	<b>5. Hội thảo khoa học, tổng kết, đánh giá kết quả 1 năm thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN</b>	<b>Buổi/ Nhiệm vụ</b>							
	Chủ trì		600.000						
	Thư ký		300.000						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Quyết định số 20/2015	Thông tư số 03/2023	Chênh lệch giữa TT 03 và QĐ số 20/2015/QĐ-UBND	Số người	Số tiền tăng thêm do thực hiện Chính sách mới	Số hội đồng/ buổi/ nhiệm vụ	Tổng số tiền tăng thêm
	Thư ký hành chính		250.000						
	Đại biểu được mời tham dự		150.000						
	<b>6. Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh</b>	<b>Buổi</b>					<b>17.450.000</b>	<b>4</b>	<b>69.800.000</b>
	Chủ tịch Hội đồng		1.200.000	1.800.000	600.000	1	600.000		
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800.000	1.500.000	700.000	23	16.100.000		
	Đại biểu được mời tham dự		150.000	200.000	50.000	15	750.000		
<b>2</b>	<b>Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>						<b>3.700.000</b>	<b>30</b>	<b>111.000.000</b>
<i>a</i>	<i>Chi thù lao</i>	<i>Nhiệm vụ</i>					<i>3.700.000</i>		
	1. Tổ trưởng tổ thẩm định		500.000	1.000.000	500.000	1	500.000		
	2. Thành viên tổ thẩm định		400.000	700.000	300.000	8	2.400.000		
	3. Thư ký hành chính		250.000	300.000	50.000	1	50.000		
	4. Đại biểu mời tham dự		150.000	200.000	50.000	15	750.000		
<i>b</i>	<i>Chi hậu cần phục vụ hoạt động....</i>								
<b>3</b>	<b>Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập</b>								
<b>4</b>	<b>Chi thông báo tuyển chọn...</b>								
<b>5</b>	<b>Dự toán chi công tác kiểm tra...</b>								
<b>6</b>	<b>Chi hội nghị, hội thảo</b>								
<b>8</b>	<b>Các khoản chi khác liên quan...</b>								<b>300.000.000</b>